

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2021/HS-ST

Ngày 09-7-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Tấn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Phước

Ông Hà Văn Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Bảo Quốc-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảo-Kiểm sát viên.

Ngày 09-7-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 64/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2021/QXXST-HS ngày 07-6-2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị L, sinh năm 1973 tại Bạc Liêu; Nơi cư trú: Số 144/3 đường T, Khóm 2, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Bán vé số; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: VNam; Trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; Con ông Nguyễn Văn X và bà Phạm Thị H (chết); Có chồng tên Trịnh Hoàng V và 02 người đã thành niên; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 05-5-2021 cho đến nay. (có mặt)

2. Trịnh Thị Mỹ P, sinh năm 1994 tại Bạc Liêu; Nơi thường trú: ấp H, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Nơi tạm trú: Số 119 đường D, Khóm 8, Phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Buôn bán; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: VNam; Trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; Con ông Trịnh Hoàng V và bà Nguyễn Thị L; Có chồng tên Tiêu Tấn Đ và 02 người con, lớn 07 tuổi và nhỏ là 04 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27-01-2021 cho đến nay. (có mặt)

- *Bị hại*: Ông Lê Văn V, sinh năm 1950; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Ông Trịnh Bữu T, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Số 9 đường H, Khóm 1, Phường 1, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 12-9-2020 ông V gặp L tại nhà trọ Số 228 đường D, Khóm 8, Phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Trong lúc nói chuyện thì ông V rủ L đi tìm nhà nghỉ để quan hệ tình dục nhưng L không đồng ý. Lúc này, L nhìn thấy trên tay phải ông V có đeo một tấm lắc vàng 18k, do không có tiền tiêu xài cá nhân nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc lắc vàng của ông V. L nói với ông V là L có bạn trai rồi và nói sẽ giới thiệu Trịnh Thị Mỹ P là con gái của L để cho ông V làm quen thì ông V đồng ý. Sau đó, L điện thoại cho P rủ P cùng chiếm đoạt tấm lắc vàng của ông V thì P đồng ý. L bàn bạc với P là L còn thuốc ngủ sử dụng chưa hết, L sẽ rủ ông V đi ăn và L sẽ bỏ thuốc ngủ vào thức ăn hoặc nước uống cho ông V dùng, nếu ông V không ngủ tại quán thì P sẽ điều khiển xe chở ông V vào nhà nghỉ chờ khi nào ông V ngủ thì chiếm đoạt tấm lắc vàng của ông V. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, P điều khiển xe mô tô biển số 83X1-940.10 đến đậu xe gần nhà Số 228 đường D, Khóm 8, Phường 3, thành phố S chờ, được một lúc thì ông V đi ra lên xe cho P chở đến quán H trong hẻm 68 đường D, Khóm 8, Phường 3, thành phố S, sau đó P quay về nhà Số 228 đường D rủ L, trước khi đi thì L lấy theo 02 viên Panadol và ½ viên thuốc ngủ đã được tán nhuyễn giấu vào trong túi áo khoát. Khi vào trong quán L chọn món ăn xong rồi L đi vào trong quán H tự pha một ly trà đường rồi bỏ tất cả số thuốc đã chuẩn bị từ trước vào ly trà đường đưa cho ông V uống. Ông V ăn cháo và uống được hơn ½ ly nước L đưa nhưng L và P thấy ông V chưa ngủ nên P chở ông V đi đến nhà nghỉ 68 tại số 68/10 đường D, Khóm 5, Phường 3, thành phố S thuê phòng số 03 rồi dẫn ông V đi vào phòng để chờ ông V ngủ rồi lấy tấm lắc của ông V, còn L thì đi về nhà. Ông V vào trong phòng nằm nói chuyện với P

được một lúc thì ngấm thuốc nên buồn ngủ. Lúc này thì P dùng tay lấy tấm lắc vàng của ông V rồi đi ra lấy xe điều khiển xe đi đến tiệm cầm đồ P, tại số 09 đường H, khóm 1, phường 1, thành phố S, P bán tấm lắc vừa chiếm đoạt của ông V cho Trịnh Bửu T được 10.336.000 đồng. Còn đối với ông V sau khi tỉnh dậy thì phát hiện bị mất tấm lắc vàng nên đã đến Cơ quan Công an trình báo sự việc, sau đó Cơ quan điều tra triệu tập L và P lên làm việc thì L và P đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Kết luận giám định số 5409/C09B ngày 16-12-2020 của Viện Khoa học Hình sự-Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 01 tấm lắc bằng kim loại màu vàng, kiểu khoen lật được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au), khối lượng 12,1453gam. Hàm lượng vàng (Au) là 60,49%.

Tại Kết luận định giá tài sản số 154A/KL.ĐGTS ngày 04-12-2020 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng kết luận: 01 tấm lắc, khoen lật hàm lượng vàng là 60,49%, khối lượng 12,1453gam (quy đổi tương đương 2,34 chỉ), chiều dài 17cm, với số tiền là 3.380.000 đồng x 3,27 chỉ x 01 chiếc = 10.951.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 288/288/340/2020HP ngày 17-9-2020 của Phân viện Pháp y Quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Trong mẫu máu ụ Lê Văn Việt, sinh năm 1950 có tìm thấy Bromazepam.

Tại Công văn số 01/PVPYQG-KĐC ngày 03-12-2020 của Phân viện Pháp y Quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Bromazepam là thuốc hướng thần thuộc nhóm Benzodiazepin thường có mặt trong thành phần các thuốc trên thị trường như PymeRoxomil, Bromafar, Lexomil, Lexotan. Các thuốc thuộc nhóm Benzodiazepin có tác dụng giải lo âu an thần, mềm cơ, chống co giật. Liều cao có tác dụng gây ngủ. Ngộ độc Benzodiazepin gây hôn mê không sâu nhưng kèm theo yếu cơ nên dẫn đến suy hô hấp sớm. Chuẩn đoán mức độ, nhẹ: rối loạn ý thức nhẹ, mơ màng, ngủ gà, nói líu lười; trung bình: rối loạn ý thức trung bình, mất điều hòa, tụt huyết áp, hạ thân nhiệt; nặng: hôn mê, suy hô hấp, nhịp tim chậm.

Tại Cáo trạng số 66/CT-VKS-TPST ngày 24-5-2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố S đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị L và Trịnh Thị Mỹ P về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d, e Khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Thị L và Trịnh Thị Mỹ P phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm d, e Khoản 2 Điều 168; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo, xử phạt tù 05 năm đến 06 năm tù và xử phạt bị cáo P từ 04 năm đến 05 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được bồi thường xong và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập xử lý.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b Khoản 3 của Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị L: 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đen, bên trong màn hình có nhiều vết nứt đã qua sử dụng có chữ ký niêm phong của NTLiêu.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị hại là ông Lê Văn V vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra thì ông V thừa nhận các bị cáo đã chiếm đoạt 01 tấm lắc vàng của ông. Nay ông đã được các bị cáo bồi thường số tiền là 11.000.000 đồng và xin bãi nại cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Trịnh Bửu Tường vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra thì ông Tường thừa nhận có mua 01 tấm lắc vàng của bị cáo P với giá 10.336.000 đồng nhưng ông không biết do bị cáo phạm tội mà có. Nay ông không yêu cầu bồi thường gì đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng tội. Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Ngoài ra, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến

hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại là ông Lê Văn V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Trịnh Bữu T. Xét thấy, trong quá trình điều tra thì ông V và ông Tường đã có lời khai rõ ràng và việc vắng mặt cũng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự xét xử vắng mặt đối với bị hại là ông Lê Văn V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Trịnh Bữu T.

[3]. Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị L và Trịnh Thị Mỹ P đã khai nhận:

Do bị cáo L và ông Lê Văn V có quen biết với nhau nên vào sáng ngày 12-9-2020, ông V gặp L tại nhà trọ Số 228 đường D, Khóm 8, Phường 3, thành phố S thì ông V rủ L đi tìm nhà nghỉ để quan hệ tình dục nhưng L không đồng ý. Lúc này, bị cáo L nhìn thấy trên tay phải ông V có đeo một tấm lắc vàng nên L ý định chiếm đoạt chiếc lắc vàng, L nói với ông V sẽ giới thiệu Trịnh Thị Mỹ P là con gái của L để cho ông V làm quen thì ông V đồng ý. Sau đó, bị cáo L điện thoại cho P rủ P cùng chiếm đoạt tấm lắc vàng của ông V thì P đồng ý, L bàn bạc với P là còn thuốc ngủ sử dụng chưa hết nên rủ ông V đi ăn rồi bỏ thuốc ngủ vào để chờ ông V vào nhà nghỉ chờ khi nào ông V ngủ thì chiếm đoạt tấm lắc vàng. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, bị cáo P điều khiển xe chở ông V đến quán Hương trong hẻm 68 đường D, Khóm 8, Phường 3, thành phố S rồi quay về nhà nhà trọ chở L, trước khi đi thì L lấy theo 02 viên Panadol và $\frac{1}{2}$ viên thuốc ngủ đã được tán nhuyễn giấu vào trong túi áo khoát. Trong lúc ăn uống, thì L tự pha ly trà đường rồi bỏ tất cả số thuốc ngủ vào ly trà đường đưa cho ông Vương, một lúc sau thì L bỏ về nhà trọ còn P chở ông V đi đến nhà nghỉ 68 tại số 68/10 đường D, Khóm 5, Phường 3, thành phố S thuê phòng số 03 rồi dẫn ông V đi vào phòng nằm nói chuyện được một lúc thì ông V ngấm thuốc thì P dùng tay lấy tấm lắc vàng của ông V rồi đi ra lấy xe điều khiển xe đi đến tiệm cầm đồ P tại Số 09 đường H, Khóm 1, Phường 1, thành phố S bán cho Trịnh Bữu T được số tiền 10.336.000 đồng.

[4]. Lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, những người tham gia tố tụng khác cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Đối với các bị cáo Nguyễn Thị L và Trịnh Thị Mỹ P đã cùng thống nhất cho bị hại Lê Văn V, sinh năm 1950 là người trên 70 tuổi uống thuốc Bromazepam cho bị hại ngủ rồi chiếm đoạt 01 tấm lắc, trọng lượng 3,27 chỉ, qua định giá tài sản có giá trị là 10.951.000 đồng nên các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm và phạm tội đối với người trên 70 tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo Nguyễn Thị L và Trịnh Thị Mỹ P phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d, e Khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Mặc dù các bị cáo đã cùng thống nhất thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại, nhưng giữa các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, phân công vai trò cụ thể cho từng bị cáo nên không thuộc trường đồng phạm có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn. Vai trò cụ thể của từng bị cáo như sau:

Đối với bị cáo L là người khởi xướng, rủ rê bị cáo P cùng thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại, chính bị cáo L là người đã chuẩn bị thuốc ngủ để pha cho bị hại uống nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại. Còn bị cáo P là một đồng phạm với vai trò là người giúp sức tích cực, sau khi nghe bị cáo L khởi xướng, rủ rê cùng chiếm đoạt tài sản của bị hại thì P đồng tình hưởng ứng, chính bị cáo là người đã dùng tay lấy tấm lắc vàng của bị hại rồi đem đi tiêu thụ. Nên cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[6]. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Xét về nhân thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo. Các bị cáo đã tự nguyện mượn tiền của người thân ở huyện H, tỉnh Bạc Liêu để bồi thường, khắc phục số tiền là 11.000.000 đồng cho bị hại. Bị hại xin giảm nhẹ, bãi nại cho các bị cáo. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho các bị cáo.

Ngoài ra, do bị cáo P có vai trò đồng phạm và có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại b, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cần áp dụng Khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo là phù hợp.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại đã được bồi thường số tiền là 11.000.000 đồng và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[8]. Về xử lý vật chứng của vụ án như sau:

Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đen là của cá nhân bị cáo L nên cần trả lại cho bị cáo.

[9]. Đối với ông Trịnh Bửu T mặc dù có mua tấm lắc vàng của bị cáo P nhưng ông biết do bị cáo phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

[10]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[11]. Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh và việc áp dụng pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng việc Kiểm sát viên đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo L là chưa phù hợp vì bị cáo L là người chủ mưu, khởi xướng, rủ rê và cũng là người chuẩn bị thuốc ngủ để gây mê bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Về hình phạt cần xử phạt bị cáo L ở mức nghiêm khắc hơn, còn bị cáo P ở mức nghiêm khắc của Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d, e Khoản 2 Điều 168; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Thị L.

Căn cứ vào điểm d, e Khoản 2 Điều 168; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trịnh Thị Mỹ P.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị L và Trịnh Thị Mỹ P phạm tội “Cướp tài sản”.

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 07 (*bảy*) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 05-5-2021.

2. Xử phạt bị cáo Trịnh Thị Mỹ P 05 (*năm*) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo từ nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Lê Văn V đã được bồi thường xong và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Xử lý vật chứng theo Phiếu nhập kho số NK068 ngày 26-4-2021 của Chi cục Thi hành Dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị L: 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đen, bên trong màn hình có nhiều vết nứt đã qua sử dụng có chữ ký niêm phong của NTLiều.

3. Về án phí: Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố S;
- Công an thành phố S;
- CQTHAHS–Công an TPST;
- Đội Tổng hợp–Công an TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨMTHẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Tấn Vinh